ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13659/QĐ-UBND	*Xuân Lộc, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Xuân Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Xuân Lộc theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện *(chi tiết theo biểu phụ lục I, II, III đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBH;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các đơn vị dự toán ngân sách huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện (t/hiện công khai);
- Lưu: VT, TCKH, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Cát Tiên

Biểu mẫu: 01/CKTC-ĐTXD
Đơn vị công khai: UBND huyện Xuân Lộc

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 13659/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Xuân Lộc)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 20/NQ-HĐND 14/11/2024)	Điều chỉnh đợt này	Kế hoạch 2021-2025 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
1	2	5	4	5	6
	TỔNG SỐ	**2.466.643**	**(289.375)**	**2.177.268**	
A	**VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**	**903.151**	**(276.675)**	**626.476**	
1	Vốn ngân sách tập trung	205.370	-4.862	200.508	
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.500	111.698	120.198	
3	Đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	659.281	-353.511	305.770	
4	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2023	30.000	-30.000	0	
B	**VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.563.492**	**(12.700)**	**1.550.792**	
1	**Vốn ngân sách tập trung**	**671.815**	**47.046**	**718.861**	
a	Do UBND huyện trực tiếp giao chỉ tiêu	671.815	47.046	718.861	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	0		0	
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020	0		0	
2	**Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết**	**282.690**	**42.741**	**325.431**	
a	Do UBND huyện trực tiếp giao chỉ tiêu	282.690	42.741	325.431	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%				
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020				
3	**Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất**	**109.407**	**8.073**	**117.480**	
a	Quỹ phát triển nhà				

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 20/NQ-HĐND 14/11/2024)	Điều chỉnh đợt này	Kế hoạch 2021-2025 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
1	2	5	4	5	6
b	Quỹ phát triển đất	109.407	8.073	117.480	
4	**Bội chi ngân sách địa phương**				
5	**Nguồn thu nhân dân đóng góp XHH GTNT**	**82.776**	**-19.547**	**63.229**	
6	**Nguồn tỉnh hỗ trợ XHH GTNT (theo theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh)**	**103.922**	**-3.032**	**100.890**	
7	**Nguồn thu nhân dân đóng góp xây dựng nhà văn hóa ấp**	**1.979**	**0**	**1.979**	
8	**Nguồn khai thác đấu giá đất**	0	**0**	0	
9	**Hỗ trợ có mục tiêu ngân sách tỉnh**	**133.938**	**0**	**133.938**	
10	**Ngân sách TW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)**	**69.984**	**0**	**69.984**	
11	**Nguồn vốn đầu tư khác**	**13.500**	**-4.500**	**9.000**	
12	**Nguồn tăng thu tiết kiệm chi**	**93.481**	**-83.481**	**10.000**	

Biểu mẫu: 01/CKTC-ĐTXD
Đơn vị công khai: UBND huyện

Phụ lục II

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Xuân Lộc)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐĐ XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025 đã giao				Điều chỉnh/bổ sung kỳ này				Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư
						Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ			**2.096.767**	**35.248**	**205.370**	**8.500**	**659.281**	**30.000**	**(4.862)**	**111.698**	**(353.511)**	**(30.000)**	**200.508**	**120.198**	**305.770**	**-**	
A	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**			**1.209.947**	**30.278**	**202.370**	**8.500**	**455.281**	**30.000**	**(4.028)**	**111.698**	**(163.270)**	**(30.000)**	**198.342**	**120.198**	**292.011**	**-**	
I	**Dự án chuyển tiếp**			**645.644**	**30.278**	**-**	**4.000**	**186.102**	**-**	**2.000**	**-**	**(14.100)**	**-**	**2.000**	**4.000**	**172.002**	**-**	
I.1	**Giao thông**			**645.644**	**30.278**	**-**	**4.000**	**186.102**	**-**	**2.000**	**-**	**(14.100)**	**-**	**2.000**	**4.000**	**172.002**	**-**	-
1	Nâng cấp đường ĐT 763 Từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	599.946	0			**186.102**	**-**	**2.000**		**(14.100)**		**2.000**		**172.002**	**-**	
	Trong đó: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện							186.102	-	2.000		(14.100)		2.000		172.002	-	UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	Xuân Lộc	tối đa 3 năm	45.698	30.278		4.000								4.000			UBND huyện Xuân Lộc
II	**KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**			**564.303**	**0**	**202.370**	**4.500**	**269.179**	**30.000**	**-6.028**	**111.698**	**-149.170**	**-30.000**	**196.342**	**116.198**	**120.009**	**0**	
II.1	**Giao thông**			**499.930**	**0**	**202.370**	**-**	**218.339**	**30.000**	**(6.028)**	**90.000**	**(127.370)**	**(30.000)**	**196.342**	**90.000**	**90.969**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 479,640 tỷ; NSH: 239,820 tỷ*	Xuân Lộc	2021-2025	239.820		66.400		122.810	30.000		90.000	(103.214)	(30.000)	66.400	90.000	19.596	-	UBND huyện Xuân Lộc
2	Đường Xuân Tâm - Xuân Hưng *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 174,5 tỷ; NSH: 87 tỷ; NST: 87,5 tỷ)*	Xuân Lộc	2021-2025	87.500		20.900		49.999	-	(3.500)				17.400		49.999	-	UBND huyện Xuân Lộc

STT	Danh mục dự án	ĐĐ XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025 đã giao				Điều chỉnh/bổ sung kỳ này				Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư
						Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2); NST 100%	Xuân Lộc	2021-2025	116.110		65.470		45.530	-	(1.558)		(24.156)		63.912		21.374	-	UBND huyện Xuân Lộc
4	Đường Xuân Thành - Tràng Táo *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 113,500 tỷđ; NSH: 57tỷ; NST: 56,5 tỷ)*	Xuân Lộc	2021-2025	56.500		49.600				(970)				48.630				UBND huyện Xuân Lộc
II.2	**Y tế, dân số và gia đình**			**64.373**	**0**	**-**	**4.500**	**50.840**	**-**	**-**	**21.698**	**(21.800)**	**-**	**-**	**26.198**	**29.040**	**-**	
5	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	1.105			730				(12)				718			UBND huyện Xuân Lộc
6	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	944			700				(18)				682			UBND huyện Xuân Lộc
7	Sửa chữa, cải tạo mới Trạm Y tế xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	1.105			830				(14)				816			UBND huyện Xuân Lộc
8	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	1.163			800				(21)				779			UBND huyện Xuân Lộc
9	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	1.182			800				(20)				780			UBND huyện Xuân Lộc
10	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	994			640				(17)				623			UBND huyện Xuân Lộc
11	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	10.730			-	9.420	-		4.000	(4.000)			4.000	5.420	-	UBND huyện Xuân Lộc
12	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	13.050			-	11.470	-		4.500	(4.500)			4.500	6.970	-	UBND huyện Xuân Lộc
13	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	12.440			-	10.930	-		5.100	(5.100)			5.100	5.830	-	UBND huyện Xuân Lộc
14	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	12.060			-	10.590	-		4.000	(4.000)			4.000	6.590	-	UBND huyện Xuân Lộc
15	Xây dựng mới Trạm Y tế xã thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 3năm	9.600			-	8.430	-		4.200	(4.200)			4.200	4.230	-	UBND huyện Xuân Lộc
B	**LẬP CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**			**886.820**	**4.970**	**3.000**	**-**	**204.000**	**-**	**(834)**	**-**	**(190.241)**	**-**	**2.166**	**-**	**13.759**	**-**	
1	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	Xuân Lộc	2021-2025	266.740	2.000			50.000	-			(44.741)				5.259	-	UBND huyện Xuân Lộc

STT	Danh mục dự án	ĐĐ XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025 đã giao				Điều chỉnh/bổ sung kỳ này				Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư
						Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Đấu giá đất	Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	2020-2024	332.900	2.970			3.000	-							3.000	-	UBND huyện Xuân Lộc
3	Dự án chỉnh trang đô thi, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi le, huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	tối đa 4 năm	287.180		3.000		151.000	-	(834)		(145.500)		2.166		5.500	-	UBND huyện Xuân Lộc

Biểu mẫu: 01/CKTC-ĐTXD
Đơn vị công khai: UBND huyện Xuân Lộc

Phụ lục III

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (VỐN HUYỆN)

(Kèm theo Quyết định số 13659/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Xuân Lộc)

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG	**4.239.732**	**(12.700)**	**47.046**	**42.741**	**8.073**	-	**(19.547)**	**(3.032)**	-	**(83.481)**	**(4.500)**	**1.550.792**	**718.861**	**325.431**	**117.480**	-	**65.208**	**234.828**	**69.984**	**10.000**	**9.000**	**305.391**
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	**2.771.844**	**(39.491)**	**31.363**	**20.247**	**(13.101)**		**(19.547)**	**(3.032)**	-	**(50.921)**	**(4.500)**	**1.481.023**	**701.338**	**295.099**	**96.306**		**65.208**	**234.828**	**69.984**	**9.260**	**9.000**	**303.264**
A	**Giao thông**	**1.080.170**	**(52.199)**	**32.753**	-	**(12.043)**		-	**(58.938)**	-	**(13.971)**	-	**498.789**	**381.905**	-	**11.900**		-	**75.000**	**29.984**	-	-	**139.367**
I	**Chuyển tiếp**	**170.200**	-	-	-	-		-	-	-	-	-	**19.519**	**19.519**	-	-	-	-	-	-	-	-	**505**
1	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân xã Xuân Thọ	14.970	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.966	2.966	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường làng dân tộc Chơ Ro ấp Bình Hòa, Xuân Phú	13.575	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.414	3.414	-	-	-	-	-	-	-	-	505
3	Đường Phước Bình xã Xuân Thọ	14.970	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.113	3.113	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Nâng cấp, sửa chữa đường Thành công xã Xuân Trường	14.970	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.213	3.213	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với QL1A (ngã 3 Bưu Điện) - Đối ứng NSH: 25.831 tr đồng	68.722	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.977	3.977	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	42.993	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.836	2.836	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**909.970**	**(52.199)**	**32.753**	-	**(12.043)**		-	**(58.938)**	-	**(13.971)**	-	**479.270**	**362.386**	-	**11.900**		-	**75.000**	**29.984**	-	-	**138.862**
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đình Thương	76.561	(7.780)	(7.780)	-	-	-	-	-	-	-	-	68.204	38.220	-	-			-	29.984	-		10.000
2	Đường Xuân Thành - Tràng Táo *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 113,500 tỷđ; NSH: 57tỷ*	57.000	(3.000)	(3.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	48.500	48.500	-	-			-	-	-		14.500
3	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	24.600	(1.000)	(1.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	19.200	19.200	-	-			-	-	-		13.200
4	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (giai đoạn 2)	55.000	(6.971)	7.000	-	-	-	-	-	-	(13.971)	-	30.453	30.453	-	-			-	-	-		13.000
5	Nâng cấp đường bên hông Bưu Điện, xã Xuân Hòa	4.989	(249)	-	-	(249)	-	-	-	-	-	-	4.613	4.613	-	-			-	-	-		-
6	Đường Suối rết B	75.000	(11.368)	5.000	-	(16.368)	-	-	-	-	-	-	23.176	23.176	-	-			-	-	-		-
7	Nâng cấp đường Gia Tỵ - Cao Su	160.000	(1.826)	5.000	-	(6.826)	-	-	-	-	-	-	93.409	19.000	-	-			74.409	-	-		31.409
8	Đường Tân Hữu - Tràng Táo (đoạn từ ĐT 766 đến cầu Suối Khi)	30.000	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	21.000	21.000	-	-			-	-	-		13.000
9	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 479,640 tỷ; NSH: 239,820 tỷ*	239.820	(4.752)	(4.752)	-	-	-	-	-	-	-	-	44.352	44.352	-	-			-	-	-		41.052
10	Đường Xuân Tâm - Xuân Hưng *(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMĐT: 174,5 tỷ; NSH: 87 tỷ*	87.000	(19.538)	(19.538)	-	-	-	-	-	-	-	-	49.462	49.462	-	-			-	-	-		2.000

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
11	Đường Đồi Đá - Bàu Trám	100.000	3.885	51.423		11.400			(58.938)				76.901	64.410		11.900			591				701
B	**Hoạt động của các cơ quan quản lí nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**	**173.220**	**(23.240)**	**(6.380)**					**8.500**		**(25.360)**		**102.565**	**92.658**		**767**			**8.500**		**640**		**30.913**
I	**Chuyển tiếp**	**8.476**											**2.870**	**2.383**		**487**							
7	Trụ sở UBND TT Gia Ray	8.476											2.870	2.383		487							
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**164.744**	**(23.240)**	**(6.380)**					**8.500**		**(25.360)**		**99.695**	**90.275**		**280**			**8.500**		**640**		**30.913**
12	Trụ sở UBND xã Xuân Hưng	20.500											19.706	19.706									793
13	Trụ sở UBND xã Xuân Thọ	24.000	(2.000)	(2.000)									21.217	21.217									
14	Trụ sở UBND xã Xuân Bắc	5.744											5.483	5.203		280							280
15	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy	10.858											10.261	10.261									
16	Trụ sở UBND xã Xuân Phú	12.688	5.700	(2.800)					8.500				10.700	2.200					8.500				50
17	Trụ sở UBND TT Gia Ray (Giai đoạn 2)	19.234	113	113									14.388	14.388									12.750
18	Xây dựng mới và sửa chữa trụ sở Huyện ủy (giai đoạn 2)	19.161	(1.693)	(1.693)									17.300	17.300									17.000
19	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới Trụ sở UBND xã Xuân Trường	31.087	(15.680)								(15.680)		320								320		20
20	Trụ sở UBND xã Xuân Hoà	21.472	(9.680)								(9.680)		320								320		20
C	**Văn hóa - xã hội**	**50.307**	**(683)**	**(683)**									**11.678**	**7.699**	**3.900**	**79**							
I	**Chuyển tiếp**	**50.307**	**(683)**	**(683)**									**11.678**	**7.699**	**3.900**	**79**							
8	Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Xuân Hòa	6.500											1.683	1.683									
9	Đền thờ liệt sỹ huyện (NSH đối ứng 21.087 tr)	30.584											2.662	2.662									
10	Nhà VH DT Chơ ro xã Xuân Trường	3.000											1.089	389	700								
11	Nhà Văn hóa dân tộc Chơ Ro xã Xuân Phú	2.223											536	457		79							
12	Trung tâm VHTT- HTCĐ xã Xuân Phú	8.000	(683)	(683)									5.708	2.508	3.200								
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**																						
D	**Kiến thiết - thị chính**	**84.904**	**27.645**	**1.207**					**26.438**				**69.335**	**35.406**		**7.491**			**26.438**				**29.870**
I	**Chuyển tiếp**																						
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**84.904**	**27.645**	**1.207**					**26.438**				**69.335**	**35.406**		**7.491**			**26.438**				**29.870**
26	Chỉnh trang khu vực nút giao ngã ba Bưu điện	3.500	(700)	(700)									2.800	2.800									1.200
27	Chỉnh trang công viên tượng đài	32.104	1.151	1.151									28.495	21.004		7.491							18.350
28	Sửa chữa, chỉnh trang các tuyến đường khu trung tâm huyện, chỉnh trang Hoa viên 9 tháng 4	49.300	27.194	756					26.438				38.040	11.602					26.438				10.320
E	**Thủy lợi**	**114.824**	**(4.728)**	**(4.728)**									**78.466**	**77.801**		**665**							**1.240**

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
I	**Chuyển tiếp**	**76.892**	**(1.000)**	**(1.000)**	-	-		-	-	-	-	-	**46.289**	**46.289**	-	-		-	-	-	-	-	-
13	Kênh cấp 2 Nội Đồng Hồ Gia Măng	76.892	(1.000)	(1.000)	-	-		-	-	-	-	-	46.289	46.289	-	-			-	-	-		-
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**37.932**	**(3.728)**	**(3.728)**	-	-		-	-	-	-	-	**32.177**	**31.512**	-	**665**		-	-	-	-	-	**1.240**
29	Cầu đập tràn ấp 2B xã Xuân Bắc	7.041	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.219	5.900	-	319			-	-	-		-
30	Cầu Suối vườn ươm ấp 2B, xã Xuân Bắc	7.776	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.240	7.240	-	-			-	-	-		1.240
31	Cầu Suối Tà Rua, xã Xuân Bắc	6.115	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.446	5.100	-	346			-	-	-		-
32	Xây dựng hệ thống chống úng xã Xuân Hưng	17.000	(3.728)	(3.728)	-	-	-	-	-	-	-	-	13.272	13.272	-	-			-	-	-		-
F	**Điện**	**27.590**	**(3)**	**(3)**	-	-		-	-	-	-	-	**23.232**	**23.232**	-	-		-	-	-	-	-	-
I	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**27.590**	**(3)**	**(3)**	-	-		-	-	-	-	-	**23.232**	**23.232**	-	-		-	-	-	-	-	-
33	Đường điện tổ 18, ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát	1.774	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.645	1.645	-	-							-
34	Đường điện trung thế (3 pha) tổ 3, ấp 6, xã Xuân Bắc	757	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	701	701	-	-							-
35	Hệ thống điện chiếu sáng đường Xuân Hiệp - Lang Minh	5.034	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.412	4.412	-	-							-
36	Đường dây trung thế và TBA nối dài, tổ 8, ấp Tân Bình 2	1.209	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	857	857	-	-							-
37	Xây dựng mới từ TBA Xuân Phú 10 đến vùng sản suất	766	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	652	652	-	-							-
38	Đường dây trung thế và TBA tổ 4, 5 ấp Bằng Lăng	1.050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	762	762	-	-							-
39	Nâng cấp Đường điện trung thế Tổ 7, 4 ấp 2A, xã Xuân Bắc từ 1 pha lên 3 pha	793	(3)	(3)	-	-	-	-	-	-	-	-	732	732	-								-
40	Đường trung thế và TBA hẻm 15 đường Lò Gạch, ấp 2	857	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	796	796	-								-
41	Đường điện Suối Lạnh tổ 24, ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát	355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	330	330	-								-
42	Đường điện trung thế và TBA đường 9/1 ấp 6	1.320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.252	1.252	-								-
43	Đường điện trung thế và TBA tổ 21, ấp 2	1.560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	915	915	-								-
44	Đường điện tập đoàn 7, ấp Bình Minh, xã Suối Cát	1.375	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.252	1.252	-								-
45	Nâng cấp Đường điện trung thế và TBA tổ 6, ấp 3A, xã Xuân Bắc từ 1 pha lên 3 pha	2.640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.778	1.778	-								-
46	Đường điện trung thế và TBA nhánh 2 và nhánh 3 ấp 7	3.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.313	3.313	-								-
47	Đường dây trung thế và TBA tổ 17, ấp Tân Tiến	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.474	1.474	-								-
48	Đường điện đường Mã Vôi - Vườn Xoài	1.560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	997	997	-								-
49	Nâng cấp Đường điện trung thế tổ 5, 6 ấp Bàu Cối, xã Xuân Bắc từ 1 pha lên 3 pha	1.440	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.364	1.364	-								-
G	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**	**465.764**	**37.164**	**11.145**	**26.019**	-		-	-	-	-	-	**366.046**	**44.381**	**273.099**	**8.566**		-	-	**40.000**	-	-	**60.172**
I	**Chuyển tiếp**	**73.281**	-	-	-	-		-	-	-	-	-	**15.183**	**5.760**	**9.423**	-		-	-	-	-	-	**1.923**
14	Trường MN Xuân Hòa	31.056	-	-	-	-		-	-	-	-	-	3.497	1.574	1.923	-				-	-		1.923
15	Trường TH Lạc Long Quân	10.299	-	-	-	-		-	-	-	-	-	1.271	771	500	-				-	-		-
16	Trường TH Trần Quốc Toản	17.889	-	-	-	-		-	-	-	-	-	9.450	2.450	7.000	-				-	-		-

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
17	Trường MN Xuân Thành	14.037	-	-	-								965	965	-	-							-
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**392.483**	**37.164**	**11.145**	**26.019**								**350.863**	**38.621**	**263.676**	**8.566**				**40.000**			**58.249**
50	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	36.406	(211)	-	(211)								32.213	7.600	24.613	-							1.530
51	Trường TH Nguyễn Khuyến	9.496	-	-	-								8.418	-	7.852	566							-
52	Trường THCS Ngô Sỹ Liên	21.579	-	-	-								20.402	1.676	18.726	-							1.561
53	Trường TH Gia Ray	61.658	(3.000)	-	(3.000)								54.900	-	24.900	-				30.000			6.100
54	Trường MN Xuân Trường	20.978	136	-	136								17.700	800	16.900	-							10.500
55	Trường THCS Lê Lợi	10.000	273	-	273								9.047	-	9.047	-							5.900
56	Trường MNTrảng Táo	31.483	13.899	-	13.899								27.626	-	27.626	-							5.400
57	Trường TH Xuân Tâm 1	14.500	(668)	-	(668)								13.372	1.500	11.872	-							902
58	Trường MN Xuân Hưng	31.145	25.539	11.145	14.394								28.039	11.145	16.894	-							600
59	Trường TH Lý Tự Trọng	14.916	(706)	-	(706)								13.744	-	8.244	5.500							-
60	Trường TH Trịnh Hoài Đức	14.505	-	-	-								13.292	6.600	6.692	-							3.000
61	Trường THCS Nguyễn Du	41.639	3	-	3								36.956	-	34.456	2.500							2.256
62	Trường MN Xuân Phú	14.697	1.905	-	1.905								12.405	-	12.405	-							1.000
63	Trường TH Nguyễn Huệ	28.165	(206)	-	(206)								24.314	-	14.314	-				10.000			13.500
64	Trường TH Phú Đồng	41.316	200	-	200								38.435	9.300	29.135	-							6.000
H	**An ninh - Quốc phòng**	**51.029**	**11.720**	**(690)**	-				**24.000**		**(11.590)**		**40.420**	**7.800**	-	-		-	**24.000**		**8.620**	-	**5.620**
I	**Chuyển tiếp**	-																					-
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**51.029**	**11.720**	**(690)**	-				**24.000**		**(11.590)**		**40.420**	**7.800**	-	-		-	**24.000**		**8.620**	-	**5.620**
65	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	9.276	4.050	-	-	-	-	-	-	-	4.050	-	8.050	-	-				-	-	8.050		3.050
66	Trụ sở Công an xã Xuân Hưng	10.575	3.120	-	-	-	-	-	8.000	-	(4.880)	-	8.120	-	-	-			8.000		120		20
66	Trụ sở Công an xã Xuân Tâm	11.197	2.120	-	-	-	-	-	8.000	-	(5.880)	-	8.120	-	-				8.000	-	120		20
67	Trụ sở Công an xã Suối Cao	10.367	3.120	-	-	-	-	-	8.000	-	(4.880)	-	8.120	-	-				8.000	-	120		20
67	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Thành	6.895	(440)	(440)	-	-	-	-	-	-	-	-	5.560	5.500	-				-	-	60		1.560
68	Nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban chỉ huy Quân sự huyện	2.719	(250)	(250)	-	-	-	-	-	-	-	-	2.450	2.300	-				-	-	150		950
G	**Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch**	**365.085**	**(3.802)**	**(7)**	**(5.772)**	1.977		-	-	-	-	-	**27.113**	**17.511**	**1.932**	7.670		-	-	-	-	-	7.346
H	**NGUỒN VỐN XHH**	**358.951**	**(27.365)**	**(1.251)**	-	**(3.535)**		**(19.547)**	**(3.032)**	-	-	-	**253.879**	**12.945**	**16.168**	**58.668**		**65.208**	**100.890**	-	-	-	**24.236**
I	**Chuyển tiếp**	**20.457**	-	-	-	-		-	-	-	-	-	**20.457**	-	**6.137**	-		**5.422**	**8.898**	-	-	-	-
1	Nguồn vốn huyện hỗ trợ XHH GTNT	6.137	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.137	-	6.137	-			-		-		-
2	Nguồn thu nhân dân đóng góp XHH GTNT	5.422	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.422	-	-	-		5.422	-		-		-
3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ XHH GTNT	8.898	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.898	-	-	-			8.898		-		-

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
II	**Khởi công mới giai đoạn 2021-2025**	**338.494**	**(27.365)**	**(1.251)**	-	**(3.535)**		**(19.547)**	**(3.032)**	-	-	-	**233.422**	**12.945**	**10.031**	**58.668**		**59.786**	**91.992**	-	-	-	**24.236**
1	Nguồn vốn huyện hỗ trợ các nhà văn hóa ấp	14.930	(1.251)	(1.251)	-	-	-	-	-	-	-	-	11.700	11.700	-	-			-				-
2	Nguồn vốn huyện hỗ trợ XHH GTNT	95.436	(3.535)	-	-	(3.535)	-	-	-	-	-	-	69.944	1.245	10.031	58.668			-				10.237
3	Nguồn thu nhân dân đóng góp XHH GTNT	101.716	(19.547)	-	-	-	-	(19.547)	-	-	-	-	57.807	-	-	-		57.807	-				-
4	Nguồn thu nhân dân đóng góp xây dựng trụ sở ấp	1.979	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.979	-	-	-		1.979	-				-
5	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ XHH GTNT	124.433	(3.032)	-	-	-	-	-	(3.032)	-	-	-	91.992	-	-	-			91.992				13.999
I	**Nguồn vốn đầu tư khác (từ vốn chi thường xuyên)**		**(4.000)**	-	-	**500**		-	-	-	-	**(4.500)**	**9.500**	-	-	**500**		-	-	-	-	**9.000**	**4.500**
1	Vốn ủy thác qua NHCS-XH		(3.500)	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.500)	8.000	-	-	-			-			8.000	4.000
2	Hỗ trợ vốn Quỹ Hội Nông Dân		(500)	-	-	500	-	-	-	-	-	(1.000)	1.500	-	-	500			-			1.000	500
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	**1.467.888**	**(37.198)**	**500**	**(5.138)**	-		-	-	-	**(32.560)**	-	**5.780**	**2.340**	**2.700**	-		-	-	-	**740**	-	**2.127**
1	Nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền và Lê Văn Vận	181.792	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	-			-		-		-
2	Trụ sở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Xuân Lộc	43.000	(4.558)	-	(4.558)	-	-	-	-	-	-	-	880	-	880	-			-	-	-		600
3	Đường Xuân Tâm - Tràng Táo	120.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	840	-	-			-	-	-		-
4	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
5	Đường Chiến Thắng - Nam Hà	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
6	Đường Xuân Trường - Suối Cao	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
7	Hệ thống điện chiếu sáng đường Huỳnh Văn Nghệ	2.008	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
8	Trường TH Hòa Hiệp	18.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
9	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	14.000	(200)	-	(200)	-	-	-	-	-	-	-	300	-	300	-			-		-		200
10	Trường MN Xuân Hiệp	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	400	-			-		-		400
11	Trường TH Chu Văn An	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
12	Trường MN Xuân Định	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
13	Trường THCS Lý Thường Kiệt	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-		-		-
14	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	14.500	(400)	-	(400)	-	-	-	-	-	-	-	100	-	100	-			-		-		-
15	Trường TH Quang Trung	14.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	500	-			-		-		400
16	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	32.444	20	-	20	-	-	-	-	-	-	-	520	-	520	-			-		-		387
17	Trụ sở Công an xã Xuân Thành	11.270	(5.880)	-	-	-	-	-	-	-	(5.880)	-	120	-	-				-	-	120		20
18	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Bắc	11.428	(3.280)	-	-	-	-	-	-	-	(3.280)	-	20	-	-				-	-	20		20
19	Trụ sở Công an xã Bảo Hòa	8.916	(3.880)	-	-	-	-	-	-	-	(3.880)	-	120	-	-	-			-		120		20
20	Trụ sở Công an xã Suối Cát	10.742	(4.880)	-	-	-	-	-	-	-	(4.880)	-	120	-	-	-			-		120		20

STT	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Điều chỉnh , bổ sung kỳ này										Tổng giai đoạn 2021-2025										Tổng 2024
			Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	Tổng 2021-2025	Ngân sách tập trung	Xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất	Đấu giá đất	Nguồn thu vận động XHH	Bổ sung mục tiêu	NSTW thưởng (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn vốn đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
21	Trụ sở Công an xã Xuân Định	10.462	(5.880)	-	-	-	-	-	-	-	(5.880)	-	120	-	-	-			-		120		20
22	Trụ sở Công an xã Lang Minh	11.826	(5.880)	-	-	-	-	-	-	-	(5.880)	-	120	-	-	-			-		120		20
23	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Tâm	6.400	(2.880)	-	-	-	-	-	-	-	(2.880)	-	120	-	-	-			-		120		20
24	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp	706.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	-			-		-		-
	VỐN HỦY NGUỒN		63.989	15.183	27.632	21.174							63.989	15.183	27.632	21.174			-		-		